TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Ngô Thị Ân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A; Sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Quách Minh N; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A 1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Minh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/11/2017. Sau khi kết hôn chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình trạng trên kéo dài khiến

cho chị cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Hiện tại, chị và anh N đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống với anh N được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Minh N1, sinh ngày 27/10/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu vẫn ở với chị. Ly hôn, chị A1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2023, anh Quác Minh N2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị A1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị A1 làm đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị A1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Minh N1, sinh ngày 27/10/2018. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị A1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh N2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A1 và anh Quách Minh N được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Quách Minh N1, sinh ngày 27/10/2018 cho chị A1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh N vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh N

và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh N đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị A1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh N đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị A1 và anh N.

[5].Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A1 và anh Quách Minh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/11/2017 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị A1 và anh N đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, cả chị A1 và anh N đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị A1 và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị A1 và anh Quách Minh N được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Minh N1, sinh ngày 27/10/2018. Xét thấy, cháu N1 là con gái, lại đang còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, hiện nay cháu cũng đang ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị A1, giao cháu N1 cho chị A1 trực tiếp nuôi dưỡng sẽ là phù hợp về mặt tình cảm và giới tính.

[7]. Về tài sản: Chị A1 và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A1 và anh Quách Minh N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Minh N1, sinh ngày 27/10/2018 cho chị A1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A1.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị A1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007936 ngày 03/02/2023. Chị A1 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị A1 và anh Quách Minh N. Chị A1 và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Ngô Thị Ân **Nguyễn Thị Thanh Thủy** **Bùi Văn Hải**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải